

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 26 – 5 – 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A/B/C, hẻm RGL, khóm TT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số A/B/C, hẻm RGL, khóm TT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường ML ngày 24/11/2001. Hôn nhân lần thứ nhất của cả 2. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông Đ không quan tâm vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt cả ngày. Khi con trai nhỏ của bà được 03 tuổi thì bà bỏ đi một lần, ông Đ có đến năn nỉ, hứa hẹn sửa chữa nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Quá trình chung sống, bà không được chồng chia sẻ, quan tâm, đôi bên không có sự trao đổi, cảm thông. Ông Đ chưa 01 lần góp tiền nuôi con, khi bà bệnh có nhờ chồng chở đi khám bệnh nhưng

ông ấy từ chối để ở nhà nhậu nhẹt với bạn bè. Nay, bà nhận thấy không được chồng yêu thương, tôn trọng và niềm tin của bà đối với ông Đ đã không còn nên mong muốn được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Lê Tấn T sinh ngày 25/5/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động, Lê Thành C sinh ngày 23/02/2009. Con chung hiện đang sinh sống cùng với ông Đ. Bà đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Tấn Đ trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu nhau được 01 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2004 tại Ủy ban nhân dân phường ML. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc cũng được thời gian dài. Trước đây, do có mâu thuẫn nên bà H đã một lần bỏ đi. Cuộc sống vợ chồng của ông gần đây không có sự chia sẻ, thông cảm lẫn nhau, bà H đi làm ở xa mà không thông báo cho ông biết. Mâu thuẫn của vợ chồng bắt đầu trầm trọng, thường xuyên cãi vã từ khi có Chỉ thị 15 tới nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn. Bản thân ông nhận thấy, thời gian qua ông đã có lỗi với vợ. Nay, do ông còn thương vợ nên mong muốn được đoàn tụ, ông cam kết sẽ thay đổi để vợ chồng được hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Lê Tấn T sinh ngày 25/5/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động; Lê Thành C sinh ngày 23/02/2009. Thời gian qua, các con sống với ông. Ông nhiều lần điện thoại yêu cầu bà H gửi tiền tiếp ông nuôi con và bà H cũng có gửi được 2 – 3 trăm ngàn. Do ông không có yêu cầu ly hôn nên không có ý kiến về con chung, về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Tấn Đ là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Tấn Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 309/ML quyền số 02/2004 ngày 24/11/2004, nên

được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Bà H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, ông Đ không quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt. Phía ông Đ thừa nhận, thời gian qua vợ chồng ông không có sự chia sẻ và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã dành nhiều thời gian phân tích, động viên để ông bà đoàn tụ. Tuy nhiên, bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông Đ không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn ông Đ.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Tấn T sinh ngày 25/5/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động, Lê Thành C sinh ngày 23/02/2009. Bà H đồng ý để ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chưa thành niên. Xét thấy, cháu C đang được ông Đ nuôi dưỡng và sự tự nguyện của bà H là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà H về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà H đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001112 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Tấn Đ.

- Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 (hai) con chung tên Lê Tấn T sinh ngày 25/5/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động, Lê Thành C sinh ngày 23/02/2009. Ông Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên tên Lê Thành C.

Ông Đ cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà H đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001112 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H và ông Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND p. ML;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh